

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST .

Ngày: 07/7/2017

V/v: “ *Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Trịnh Hoàng Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa: Bà **Trương Hồng Diễm** – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Bích N - Sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 11A, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Q - Sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Nguyễn Văn R, xã B, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2017 và tại phiên Tòa, chị Lâm Thị Bích N trình bày: Chị và anh Q tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, lễ cưới tổ chức năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng. Sau khi cưới nhau vợ chồng cùng lên tỉnh Bình Dương làm việc và cũng trong thời gian này đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cha mẹ chồng cho rằng chị không làm tròn bổn phận dâu con và không sống bên chồng. Tuy nhiên, việc cha mẹ cho rằng chị như vậy là không đúng. Vì trước khi kết hôn chị và anh Q là công nhân nên khi cưới nhau thì phải tiếp tục trở lại với công việc. Mặc dù, anh Q hiểu biết nhưng anh không giải thích cho gia đình mà chỉ im lặng. Ngoài ra, vợ chồng có mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc, đó là vào dịp tết anh chị gửi tiền về cho cha mẹ chồng, đồng tiền làm ra quý giá và sau khi trừ chi phí, còn dư gửi nhưng trái lại ông bà không trân trọng mà còn chê trách ít ỏi và dùng lời lẽ khó nghe. Mặc khác, anh Q còn dùng mạng xã hội để trò chuyện với nhiều người, hẹn hò đi chơi công khai. Do vợ chồng chung sống có quá nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn chung sống trong khoảng thời gian dài và anh Q cũng không có ý định để hàn

gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q. Về con chung không có. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/02/2017 và tại phiên Tòa anh Nguyễn Thành Q trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, con chung là đúng. Anh xác định sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ khi chị N hư thai tាំង tình bắt đầu thay đổi. Mặc khác, anh là con út trong nhà, có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ già nhưng chị N không hiểu mà kêu anh về gia đình vợ để sinh sống. Ngoài ra, cách cư xử của gia đình vợ làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đồng thời cũng vì vấn đề tiền bạc mà vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Anh rất mong muốn vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nên đã có đơn xin thay đổi ý kiến không thống nhất thuận tình ly hôn, đã được Tòa án đưa ra hòa giải nhưng chị N đã kiên quyết ly hôn, dù anh có cố gắng tìm giải pháp hàn gắn cũng không đem lại kết quả nên thống nhất ly hôn. Về tài sản và nợ chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết anh đồng ý. Riêng con chung không có.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị N và anh Q kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản và nợ chung: Do chị N và anh Q không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn với anh Q nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn được quy định tại khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lâm Thị Bích N và anh Nguyễn Thành Q kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể nào tháo gỡ. Nguyên nhân là do cách cư xử của anh chị và gia đình liên quan đến tiền bạc. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đó đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy, chị N có yêu cầu ly hôn anh Q là có căn cứ phù hợp với qui định tại khoản 01 - Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc khác, tại phiên Tòa anh Q xác định cũng đồng ý ly hôn chị N, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ chung: Do chị N và anh Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 của Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2241 ngày 03/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 - Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận cho chị Lâm Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Thành Q.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a , khoản 5 - Điều 27 của Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 2241 ngày 03/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho hai bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (07/7/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Bàn Tân Định;;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**